TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10/7/2024
"V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị T và anh Đ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Lê Thị Tranh.

Các Hội Thẩm nhân dân: - Ông Trần Trọng Khuyến
- Ông Lê Văn Được

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Lý Phước Bền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 262/2024/TLST-HNGĐ, ngày 06/5/2024 về việc *"Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2024/QĐST-HN, ngày 14/6/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 85/QĐTS-HNGĐ, ngày 01/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên toà hôm nay con chung của chị T và anh Đ tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 18/6/2009 và Nguyễn Văn V, sinh ngày 30/3/2011. Vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên toà, đều tống đạt đầy đủ cho các đương sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Đ, về con chung tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 18/6/2009 và Nguyễn Văn V, sinh ngày 30/3/2011 chị T đang nuôi và theo nguyện vọng của con Qui và V được sống chung với chị T, quá trình giải quyết chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung để con chung Qui và V có cuộc sống ổn định về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần nên để chị T được nuôi hai con Q và V sau khi ly hôn, về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên không xem xét; về tài sản chung, về số nợ phải thu, phải trả chị T không yêu cầu nên không xem xét; án phí chị T phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Nguyễn Văn Đ có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn của chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đ, yêu cầu được nuôi con nên xác định quan hệ tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ xác lập quan hệ hôn nhân năm 2007 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 08 và Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị T và anh Đ là hợp pháp.

Xét thấy quá trình chung sống giữa chị T và anh Đ tuy chưa thống nhất nhau về quan điểm đời sống vợ chồng, lối sống, về cách ứng xử giao tiếp thì anh chị phải biết tự điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với cuộc sống hiện tại, cùng nhau

góp ý xây dựng, chia sẽ và tôn trọng lẫn nhau để tìm cách giải quyết mọi vấn đề một cách êm đẹp nhất nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Khi mâu thuẫn phát sinh chị T và anh Đ đều bỏ mặt cho hậu quả xảy ra, không quan tâm đến cuộc sống gia đình làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạng nứt. Tòa án đã hòa giải 02 lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Đ không đến tại phiên tòa hôm nay anh Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do, từ đó cho thấy việc hàn gắn đoàn tụ tình cảm vợ chồng là không có kết quả.

Tại phiên tòa hôm nay chị T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề ngày 19/4/2024 chị xin được ly hôn với anh Đ là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, xử cho chị T và anh Đ được ly hôn với nhau.

Về nuôi con tên: Nguyễn Văn Q, sinh ngày 18/6/2009 và Nguyễn Văn V, sinh ngày 30/3/2011 là con chung của chị T và anh Đ trong thời gian anh chị ly thân đến nay con chung Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn V sống với chị T được chị T nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo về mọi mặt và cũng tại biên bản ghi lời khai ngày 10/6/2024 và ngày 20/6/2024 con chung Qui và V có nguyện vọng được sống chung với chị T, tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án chị T yêu cầu được nuôi con chung Qui và V, để con chung Nguyễn Văn Q, sinh ngày 18/6/2009 và Nguyễn Văn V, sinh ngày 30/3/2011 có cuộc sống ổn định về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần Hội đồng xét xử giao con chung Qui và V cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án chị T không khởi kiện, không tranh chấp, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số nợ phải thu, phải trả: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

- Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn với nhau.

- Về nuôi con: Chị Nguyễn Thị Hồng T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Nguyễn Văn Q, sinh ngày 18/6/2009 và Nguyễn Văn V, sinh ngày 30/3/2011 sau khi ly hôn.

Anh Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị T không khởi kiện, không tranh chấp không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu Toà án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Hồng T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0003671, ngày 02/5/2024 do chị T nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu, chị Nguyễn Thị Hồng T đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã V, huyện C, tỉnh T;

- Lưu HSVA.

Lê Thị Tranh